

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VỚI HÀNH TRÌNH TRUNG HÒA CARBON

PGS., TS. Hạ Thị Thiều Dao, Nguyễn Thị Phương Uyên \*

Ngày nhận bài: 19/8/2023

Ngày biên tập: 29/8/2023

Ngày duyệt đăng: 12/9/2023

**Tóm tắt:** Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ tài chính thân thiện với môi trường không chỉ giảm thiểu tác động của suy thoái môi trường mà còn là một lợi thế của ngân hàng trong việc tiếp cận nguồn vốn quốc tế và cung cấp các dịch vụ tài chính mới cho khách hàng. Bài viết nghiên cứu về "Hành trình xanh" của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Các NHTM đã đa dạng hóa sản phẩm, tăng cường cung cấp các sản phẩm xanh, nhất là cho vay xanh với tăng trưởng trung bình 23% năm trong giai đoạn 2017 - 2022. Bản thân các ngân hàng đã tích cực thực hiện các cam kết về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG), triển khai số hóa, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ ngân hàng chủ động tiết kiệm giấy, mực nhằm giảm thiểu lượng giấy sử dụng, giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> vào môi trường. Tuy nhiên, các dịch vụ được cung cấp còn khá khiêm tốn về chủng loại và quy mô. Vào cuối năm 2022, dư nợ tín dụng phân bổ các dự án xanh đạt hơn 500 nghìn tỉ đồng (chiếm hơn 4,2% tổng dư nợ nền kinh tế). Nghiên cứu cũng gợi ý các NHTM cần phải đa dạng hóa sản phẩm, thúc đẩy quản lý rủi ro khí hậu và môi trường cho các khoản tài trợ của mình, đáp ứng các chuẩn xanh của các nhà tài trợ xanh để có thể trở thành ngân hàng xanh và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

**Từ khóa:** Hành trình xanh, ngân hàng xanh, sản phẩm ngân hàng xanh.

## VIETNAM COMMERCIAL BANKS ON THE JOURNEY TO CARBON NEUTRALITY

**Abstract:** Strengthening the provision of green financial services reduces the impact of environmental degradation. It provides a competitive advantage for banks in accessing international capital and providing new financial services to customers. This study shows the "Go Green" of Vietnamese commercial banks. Banks have diversified their products and services and increased the provision of green products, especially green loans, with an average growth of 23% per year period 2017 - 2022. The banks themselves have actively implemented ESG commitments, digitized, and applied technology to banking services, proactively saving paper and ink to reduce paper consumption and CO<sub>2</sub> emissions into the environment. However, the services provided still need to be more modest in variety and scale. At the end of 2022, the outstanding loan balance allocated to green projects reached more than 500 trillions VND (accounting for more than 4,2% of the total outstanding loan balance of the economy). The study also suggests that banks need to diversify their products, promote climate and environmental risk management for their financing, and meet the standards of green donors to become green banks and achieve the goal of sustainable development.

**Keywords:** Go green, green banking, green banking services.

\* Trường Đại học Ngân hàng  
Thành phố Hồ Chí Minh

## 1. Hành trình xanh - Một xu thế không thể đảo ngược

Trong những năm gần đây, vấn đề về môi trường là mối quan tâm cấp bách do tác động đáng kể của nó đối với con người cũng như thiên nhiên. Theo Nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) (2022), Việt Nam ở vị trí thứ 127 trong số 182 quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu trên toàn cầu. Do đó, việc triển khai hoạt động “Hành trình xanh” được xác định là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững trong ngành Ngân hàng (Sharma và Choubey, 2021).

Việc triển khai ngân hàng xanh đem lại nhiều lợi ích cho môi trường, khách hàng và cả ngân hàng. Ngân hàng xanh triển khai các giao dịch ngân hàng không cần giấy tờ như Internet Banking, SMS Banking và ATM thế hệ mới (CDM, CRM) đã tiết kiệm được lượng lớn giấy, mực in và giúp kiểm soát được nạn phá rừng, giúp các ngân hàng nâng cao nhận thức về lợi ích của ngân hàng xanh cho nhân viên và khách hàng. Bên cạnh những lợi ích cho môi trường, ngân hàng xanh còn giúp cuộc sống của khách hàng trở nên tiện lợi và an toàn hơn với ngân hàng trực tuyến bằng cách cung cấp các tiện ích như truy vấn số dư, kiểm tra sao kê chuyển và gửi tiền, dễ dàng mở và đóng tài khoản (Wessel và Drennan, 2010; Tara, 2015); tiết kiệm thời gian và chi phí cho việc đến ngân hàng để thực hiện các giao dịch cơ bản, thay vào đó thực hiện thông qua điện thoại di động hoặc website ở bất kỳ thời gian và địa điểm nào (Sahni và Dhamija, 2018; Tara, 2015).

Trong xu thế toàn cầu quan tâm đến mục tiêu thiên niên kỷ, việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm, trách nhiệm xã hội của

doanh nghiệp, cân nhắc về đạo đức và các mối quan tâm về môi trường đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp. Ngân hàng xanh không chỉ tạo lợi thế cạnh tranh qua đổi mới sản phẩm và dịch vụ, giảm rủi ro tín dụng bằng việc dễ dàng thu hồi khoản vay, giảm chi phí quản lý hoạt động ngân hàng (Tara, 2015; Hossain và cộng sự, 2015), mà còn là một hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), là một mô hình mẫu mực của ngành Ngân hàng trong tương lai và đóng vai trò nền tảng cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, thúc đẩy phát triển bền vững nhờ vị thế trung gian điều tiết vốn của mình.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của ngành Ngân hàng trong việc cùng các ban, ngành thực hiện cam kết phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, ngày 26/7/2023, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Quyết định số 1408/QĐ-NHNN về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Trước đó, ngày 07/01/2019, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-NHNN về Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các nhiệm vụ cụ thể gồm: Thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, phát thải CO<sub>2</sub> thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng tỉ trọng vốn tín

dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít lượng CO<sub>2</sub>.

## 2. Khái niệm ngân hàng xanh và kinh nghiệm các nước

### 2.1. Khái niệm ngân hàng xanh

Trong những năm gần đây, thuật ngữ “ngân hàng xanh” nổi lên như một định hướng phát triển chiến lược trong lĩnh vực ngân hàng. Có rất nhiều nghiên cứu đưa ra các định nghĩa về ngân hàng xanh như Raseena và Muhila (2022), Lalon (2015), Biswas (2016), Viện Phát triển bền vững quốc tế - IISD (2016). Raseena và Muhila (2022) cho rằng, ngân hàng xanh là một hướng phát triển chiến lược trong lĩnh vực ngân hàng, nhằm lồng ghép phát triển bền vững vào các hoạt động ngân hàng thể hiện qua việc thúc đẩy trách nhiệm môi trường và xã hội trong hoạt động ngân hàng, cũng như tích hợp yếu tố bền vững vào thiết kế sản phẩm và chính sách. Theo Lalon (2015), ngân hàng xanh tập trung vào các hoạt động có ích cho môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Ngân hàng có thể làm giảm khí thải carbon bằng cách thực hiện các hoạt động trực tuyến, sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng và khuyến khích sử dụng các dịch vụ tài chính không cần giấy tờ. Theo Biswas (2016), ngân hàng xanh liên quan đến việc hỗ trợ các hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đến môi trường, như tài trợ cho các dự án công nghệ xanh và dự án môi trường để giảm lượng khí thải carbon, áp dụng công nghệ có thể cắt giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub> và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Theo IISD (2016), ngân hàng xanh cung cấp các dịch vụ tài chính sử dụng công nghệ thông tin để

**Bảng 1: Hoạt động ngân hàng xanh**

Danh mục	Sáng kiến xanh	Nguồn
Sản phẩm xanh	Khoản vay xanh với lãi suất ưu đãi; Internet Banking/Mobile Banking; thẻ chấp xanh; trái phiếu xanh; sao kê điện tử; khoản vay công trình xanh; khoản vay mua xe thân thiện với môi trường; máy gửi tiền tự động; ATM năng lượng mặt trời; kênh thanh toán trực tuyến; thẻ tín dụng xanh; tài khoản tiết kiệm xanh; tiêu chuẩn tín dụng xanh	Zhang và cộng sự (2011); Bahl (2012); Campiglio (2016); Kumar và Prakash (2018); Singh (2015); Masukijjaman và Aktar (2013); Chaurasia (2014); Zhang và cộng sự (2011)
Trách nhiệm xã hội	Các chiến dịch trồng cây; hợp đồng hoán đổi rủi ro tín dụng xanh; chương trình nâng cao nhận thức khách hàng; hệ thống quản lý hồ sơ	Singh (2015); Nuryakin và Maryati (2020)
Thay đổi xanh trong nội bộ ngân hàng	Hệ thống xử lý chất thải; tận dụng ánh sáng tự nhiên; đào tạo nhân viên về các sáng kiến xanh; thực hiện kiểm toán năng lượng; chi nhánh xanh	Tara và cộng sự (2015); Rahman và Perves (2016); Lalon (2015)

Nguồn: Tác giả tổng hợp

**Bảng 2: Hoạt động ngân hàng xanh của các nước châu Á**

Ngân hàng	ESG	Nguyên tắc xích đạo - EP*	Các sáng kiến/hành động đã thực hiện
Mizuho	✓	2003	Phát triển tài chính xanh và hỗ trợ công nghệ; cam kết tính trung hòa carbon và phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; cung cấp nhiều giải pháp tài chính ESG như thu xếp khoản vay, trái phiếu ESG; tổ chức hội thảo trực tuyến về tài trợ bền vững; xây dựng mạng lưới thông tin về ESG; tạo nhóm xúc tiến kinh doanh ESG và tăng cường tư vấn ESG cho khách hàng.
ICBC	✓	2017	Xây dựng nền tảng dữ liệu rủi ro môi trường, đổi mới chỉ số và xếp hạng xanh ESG; tăng cường quản lý sinh thái và môi trường; hỗ trợ phát triển tài chính xanh như trái phiếu xanh, chỉ số chứng khoán xanh; cam kết tài chính tái tạo.
ANZ	✓	2007	Phát hành trái phiếu xanh đầu tiên và cam kết tài trợ bền vững; tham gia RE100 và cam kết mua 100% điện tái tạo; tài trợ và hỗ trợ nhiều giao dịch xanh và bền vững.

\* Các ngân hàng tham gia sẽ không hỗ trợ các dự án mà khách hàng không tuân thủ khuôn khổ Nguyên tắc xích đạo EP đã đặt ra.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ ANZ (2022), ICBC (2022), Mizuho (2023)

thúc đẩy giao dịch không giấy tờ và hướng đến việc giảm lượng khí thải carbon. Qua các hoạt động này, ngân hàng xanh góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế - xã hội bền vững. Ngân hàng xanh theo góc nhìn tổng thể của IISD (2016) khá phù hợp, vì thể hiện được hoạt động lồng ghép phát triển bền vững vào lĩnh vực ngân hàng với hai định hướng chính thể hiện sự thay đổi trong suy nghĩ và hành động của ngân hàng: (1) Theo đuổi trách nhiệm với môi trường và xã hội trong hoạt động của ngân hàng thông qua các sáng kiến môi trường (các chương trình hoặc cải tiến về hiệu quả năng lượng) và các sáng kiến có trách nhiệm với xã hội (hỗ trợ cho các sự kiện văn hóa, cải thiện nguồn nhân lực và quyền góp từ thiện); (2) Tích hợp tính bền vững vào các hoạt động kinh doanh cốt

lõi của ngân hàng thông qua việc cân nhắc về môi trường và xã hội vào thiết kế sản phẩm, chính sách sứ mệnh và chiến lược (tích hợp các tiêu chí môi trường vào chiến lược cho vay, đầu tư và phát triển các sản phẩm mới cung cấp cho các doanh nghiệp có khả năng tiếp cận vốn dễ dàng hơn). Chính vì vậy, ngân hàng có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc “xanh hóa” dòng vốn đầu tư và góp phần lớn vào quá trình phát triển cũng như chuyển dịch kinh tế, để định hướng việc phát triển xanh, phát triển bền vững.

### 2.2. Dịch vụ ngân hàng xanh

Các hoạt động ngân hàng xanh đã phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau. Các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng xanh rất đa dạng chủ yếu là các khoản vay, tiền gửi và dịch vụ thanh toán đáp ứng các yêu cầu về môi trường (Bảng 1).

### 2.3. Kinh nghiệm thúc đẩy dịch vụ ngân hàng xanh ở các nước Nhật Bản, Trung Quốc và Úc

Để thúc đẩy hoạt động ngân hàng xanh, các NHTM lớn ở các nước đã có nhiều sáng kiến mà các ngân hàng đang bắt đầu quan tâm đến hành trình xanh như Việt Nam cần học hỏi. Các ngân hàng đều tuân theo Nguyên tắc xích đạo (các quy định về môi trường và xã hội), tham gia kí kết Hiệp ước Toàn cầu về hoạt động trung tính carbon, tham gia Liên minh Ngân hàng Net-Zero của Sáng kiến tài chính Chương trình môi trường Liên hợp quốc và triển khai nhiều hoạt động ngân hàng xanh (Bảng 2).

Ngoài các hoạt động chung, mỗi ngân hàng đều có các hoạt động nổi trội: Mizuho trở thành ngân hàng châu Á đầu tiên tuân

thủ khuôn khổ Nguyên tắc xích đạo vào năm 2003, qua đó thể hiện cam kết của ngân hàng trong việc thực hiện các phương án ngân hàng bền vững. Mizuho đặt mục tiêu trung hòa carbon trong phát thải khí nhà kính ở mức 1 - 2 vào năm 2030 và đạt được mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Mizuho dự định phân bổ ngân sách đầu tư 25 nghìn tỉ JPY vào năm 2030 để hỗ trợ cho các đổi mới công nghệ trong các giai đoạn thử nghiệm, đặc biệt là ở các khu vực đang trong quá trình chuyển đổi.

Ngân hàng Công thương Trung Quốc (ICBC) đã tập trung phát triển và nâng cấp các dịch vụ tài chính số, thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ xanh và xây dựng hệ sinh thái dịch vụ đa dạng và toàn diện. Các nỗ lực này nhằm cải thiện trải nghiệm của khách hàng và hỗ trợ chuyển đổi số cả trong doanh nghiệp và cộng đồng. Các hoạt động đặc trưng của ngân hàng: (1) Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, đổi mới nghiên cứu chỉ số, xếp hạng xanh ESG, khám phá các phương pháp và công cụ đánh giá định lượng về phát triển xanh của doanh nghiệp và thiết lập một hệ thống nghiên cứu tài chính xanh tiên tiến; (2) Xây dựng nền tảng dữ liệu lớn cho thông tin rủi ro môi trường, cải thiện và điều chỉnh các tiêu chuẩn phân loại thống kê về đầu tư và tài chính xanh, thiết lập cơ chế đánh giá khoa học, toàn diện và có hệ thống cho phát triển tài chính xanh, chủ động tăng cường công bố thông tin ESG, công bố thông tin tài chính và đầu tư liên quan đến khí hậu; (3) Hỗ trợ cuộc sống xanh, sản xuất sạch hơn và phục hồi sinh thái, tăng cường quản lý sinh thái, tối ưu hóa cấu trúc cốt lõi của tín

dụng xanh cho các khu vực, sản phẩm, khách hàng và ngành, tăng đáng kể tỉ trọng cho vay xanh; (4) Tăng cường bảo vệ sinh thái biển và phát triển kinh tế biển, hỗ trợ xây dựng cường quốc biển; (5) Phát triển mạnh mẽ các công cụ tài chính như trái phiếu xanh, chỉ số chứng khoán xanh, quỹ phát triển xanh, quản lý tài sản xanh, bảo hiểm xanh, tài chính carbon để thực hiện quá trình chuyển đổi kinh tế, nâng cấp và phát triển bền vững các dịch vụ tài chính.

Đối với khách hàng cá nhân ICBC sáng tạo chức năng Tài chính Xanh sáng tạo trên Mobile Banking 8.0 với: (1) Thẻ xanh toàn cầu và sổ cái carbon; (2) Xác định hành vi thân thiện với môi trường của người dùng qua các giao dịch, áp dụng các quy tắc đo lường lượng khí thải carbon chuyên nghiệp để đo lường mức giảm phát thải carbon và ghi lại dấu vết carbon thấp của người dùng; (3) Là ngân hàng đầu tiên hoàn thành chuyển đổi để làm cho dịch vụ internet dễ tiếp cận với người cao tuổi. Đối với khách hàng doanh nghiệp, ICBC đã cải thiện phiên bản ngân hàng di động và ngân hàng trực tuyến cho ba loại sản phẩm chính (tín dụng, thế chấp và chuỗi). Ngân hàng đã thiết kế các dịch vụ cơ bản như quản lý tài khoản, chuyển khoản, chuyển tiền, dịch vụ trả lương, quản lý U-shield..., giúp tiết kiệm chi phí vận hành như chi phí thanh toán bù trừ cho doanh nghiệp và cung cấp một nền tảng dịch vụ toàn diện trực tuyến tối giản cho khách hàng doanh nghiệp. ICBC là ngân hàng đầu tiên trong ngành triển khai mô hình dịch vụ đổi chiều tài khoản và hóa đơn OFD trên nền tảng đám mây, thực hiện đổi sách chính xác và xử lý kỹ thuật số toàn chuỗi cũng như

lưu trữ biên lai điện tử và báo cáo ngân hàng giữa hệ thống tài chính doanh nghiệp và hệ thống kinh doanh ngân hàng.

Ngân hàng ANZ cung cấp các sản phẩm bền vững và dịch vụ cần thiết, đa dạng để chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp (Bảng 3).

### 3. Hành trình xanh tại các NHTM

Trong những năm qua, kể từ khi cam kết tham gia Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc - COP26 (năm 2021), Việt Nam và đặc biệt là ngành Ngân hàng đã có sự biến chuyển trong nhận thức và hành động trên hành trình tiến tới nền kinh tế xanh. Các hoạt động này thể hiện ở lĩnh vực: Dịch vụ ngân hàng xanh, thực hành ngân hàng xanh và thực hành trách nhiệm xã hội.

#### 3.1. Dịch vụ ngân hàng xanh

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, dư nợ tín dụng của hệ thống cho các lĩnh vực xanh tại Việt Nam đã tăng trưởng trung bình hơn 23%/năm trong giai đoạn 2017 - 2022. Cuối năm 2022, dư nợ tín dụng phân bổ các dự án xanh đạt hơn 500 nghìn tỉ đồng (chiếm hơn 4,2% tổng dư nợ nền kinh tế), tăng 12,96% so với cuối năm 2021. Tổng giá trị dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đạt hơn 2.359 nghìn tỉ đồng, chiếm hơn 20% dư nợ cho vay của nền kinh tế, tăng 27,69% so với cuối năm 2021, với hơn 1,2 triệu món vay (NHNN, 2023). (Bảng 4)

Hiện tại, các tổ chức tài chính lớn như WB, Công ty Tài chính quốc tế (IFC) và Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã đưa ra các quy định về môi trường - xã

Bảng 3: Các sản phẩm bền vững của Ngân hàng ANZ

Sản phẩm bền vững	Mục đích
Khoản cho vay xanh, xã hội và bền vững	Cho vay các dự án xanh, xã hội và bền vững. Bên vay phải sử dụng tiền vay để mua tài sản xanh và/hoặc xã hội đáp ứng các tiêu chí nhất định.
Cho vay liên kết bền vững	Các khoản vay khuyến khích bên vay đáp ứng các mục tiêu về hiệu suất môi trường đã đặt ra trước đó.
Cơ sở hạ tầng xanh và bền vững (Dự án tài chính)	Tài trợ dự án để hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững dài hạn, ví dụ: Năng lượng tái tạo, trường học và giao thông.
Trái phiếu định dạng ESG	Phân phối vốn vào các dự án xanh, xã hội và bền vững, chẳng hạn như tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo hoặc khi các điều khoản trái phiếu được gắn với hiệu suất tốt hơn so với các mục tiêu hiệu suất bền vững đã đặt ra.
Cam kết liên kết xanh và bền vững	Bảo lãnh xanh đảm bảo rằng các hợp đồng được kí kết đều liên quan đến việc sử dụng tiền từ các dự án tốt cho môi trường. Các đảm bảo liên quan đến tính bền vững bao gồm một thành phần định giá gắn với các mục tiêu hiệu suất bền vững.
Phái sinh liên kết bền vững	Các công cụ phái sinh bao gồm một thành phần định giá gắn liền với các mục tiêu bền vững của một khoản vay hoặc trái phiếu liên kết với tính bền vững cơ bản. Điều này bao gồm các hợp đồng hoán đổi, kì hạn, hoán đổi tiền tệ chéo, quyền chọn lãi suất và ngoại hối được thực hiện cùng với trái phiếu liên kết bền vững hoặc khoản vay liên kết bền vững
Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cho năng lượng tái tạo	Dịch vụ tư vấn liên quan đến mua bán và huy động vốn cho các dự án năng lượng tái tạo.
ANZ/Chương trình Tài chính tài sản năng lượng sạch (CEFC); Chương trình Tài trợ tài sản hiệu quả năng lượng (EEAF)	Tài trợ để khuyến khích các khách hàng thương mại và kinh doanh nông nghiệp Úc đầu tư vào các công nghệ năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng để giảm chi phí năng lượng và lượng khí thải carbon.
Khoản vay mua nhà Good Energy	Khách hàng ở New Zealand có thể mua các tấm năng lượng mặt trời, hệ thống sưởi ấm và cách nhiệt, cửa sổ đôi, hệ thống thông gió và bể chứa nước mưa để cải thiện ngôi nhà của mình từ khoản vay.
Khoản vay mua nhà Healthy Home	Cung cấp giảm giá lãi suất cho vay mua nhà và các lợi ích khác cho các ngôi nhà tiết kiệm năng lượng. Khách hàng New Zealand có thể đăng kí gói nếu họ đang mua, xây dựng, cải tạo hoặc đã sở hữu một ngôi nhà có xếp hạng Homestar 6 trở lên.
Khoản vay xanh dành cho doanh nghiệp	Các doanh nghiệp ở New Zealand có thể sử dụng khoản vay này để hỗ trợ (hoặc tái cấp vốn) cho các dự án giúp ích cho môi trường, chẳng hạn như những dự án sử dụng năng lượng tái tạo hoặc tiết kiệm năng lượng, xây dựng các tòa nhà xanh hoặc sử dụng đất, nước hoặc rác thải bền vững. Các doanh nghiệp có thể vay tới 3 triệu đô la New Zealand với lãi suất ưu đãi từ đầu tháng 9/2022.

Nguồn: ANZ (2022)

Bảng 4: Tín dụng xanh tại các NHTM

Ngân hàng	Tên dự án/ chương trình	Dư nợ tín dụng xanh (tỉ đồng)	Tỉ trọng tín dụng xanh (%)	ESG	ESMS	Năm thống kê
Agribank	Nông nghiệp sạch	5.000	0,35	✓		2022
BIDV	Dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	63.773	4,30	✓		2023
HDBank	Tín dụng năng lượng xanh	11.000	4,10	✓		2022
MB	Năng lượng tái tạo	44.148	9,22	✓		2022
Nam A Bank	Tín dụng xanh từ Quỹ GCPF	360	77		✓	2023
OCB	Tín dụng xanh	123.000	9,10		✓	2022
SeABank	Tín dụng xanh từ IFC	1.780	40		✓	2022
Viet Capital Bank	Dự án có yếu tố "xanh"	500	4,90			2022
Vietcombank	Năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh	46.000	4,00	✓		2022
VietinBank	Dự án xanh	77.430	6,05	✓		2022
VPBank	Lĩnh vực xanh	8.692	1,81	✓		2022

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của các ngân hàng

hội mà các dự án và đối tác phải tuân theo, đó là Nguyên tắc xích đạo. Tuy nhiên, các NHTM tại Việt Nam chưa có chính sách và quy định cụ thể về việc ưu đãi lãi suất hoặc hồ sơ chứng từ cũng như

“Khung tín dụng xanh” cung cấp cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường. Việc thiết lập các chính sách và quy định cụ thể về lĩnh vực tín dụng xanh sẽ giúp thúc đẩy các doanh

nh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực bảo vệ môi trường, đồng thời góp phần vào việc xây dựng một xã hội và môi trường bền vững. Ngoài cho vay xanh, các NHTM cũng tích cực thực hiện chuyển đổi số và

Bảng 5: Thống kê dịch vụ ngân hàng xanh tại các NHTM Việt Nam

Ngân hàng	Số lượng ATM	Internet Banking		Mobile Banking		Tên sản phẩm xanh
		Số lượng giao dịch (nghìn) + (tăng)	Giá trị giao dịch (tỉ đồng)	Số lượng giao dịch (triệu)	Giá trị giao dịch	
		(So với năm 2021)				
ACB	70 CDM	+ 73%		+ 67%	+ 60%	Green Transactions, Go Paperless Credit, e-Signature, D-sign
Agribank	100 CDM			638 + 100%	+ 148%	Tín dụng "Nông nghiệp sạch"
BAOVIET Bank	41 CRM			6.41	73.000	Tín dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao
BIDV	72 CRM	5.694.199 +62,18%	7.016.934 +14,04%	634.124.541 giao dịch +89,04%	7.315.202 +76,62%	Tín dụng xanh SUNREF
Dong A Bank	41 Autobanking					
HDBank				19 + 96%	760.000 + 547%	Tín dụng xanh phát triển năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao
KienlongBank	8 CDM, 63 STM					Tín dụng xanh nông nghiệp xanh, quản lí nước bền vững, lâm nghiệp bền vững, năng lượng tái tạo và năng lượng sạch
MB	57 Smartbank			+ 94.4%		Tín dụng xanh, Customer Onboarding, Retention, Upsale, Customer Service, Digital Lending, Trade Finance, MB Smartbank
MSB		76.839 + 61%	1.122.318 + 32%			Tín dụng xanh
Nam A Bank	99 Onebank					Tín dụng xanh tiêu dùng xanh, năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh, lĩnh vực xây dựng, mua nhà xanh; Chatbot Green Legal
OCB	9 CDM	+ 200%				Tín dụng xanh; OCB OMNI
Sacombank	116 CDM			+ 140%	+ 127%	Tín dụng xanh; Sacombank Contactless đối với thẻ Visa, mBanking và Tap to Phone, phát hành thẻ phi vật lí trên nền tảng số
SeABank		+ 158%	50.000 + 250%			Tín dụng xanh từ IFC
Techcombank		238,7 + 21,7%	2.500 - 9,5%			Tín dụng xanh từ IFC
TPBank	424 Live Bank	+89,36%	+ 40,55%	+ 116,1%	+ 92,3%	Tín dụng xanh từ GCPF
Vietcombank	12 R - ATM					Khoản vay xanh; trái phiếu xanh
VietinBank	20 R - ATM	305 + 54,6%	2.264 + 98,6%			Tín dụng xanh: Sản phẩm đầu tư dự án tiết kiệm và hiệu quả năng lượng như điện mặt trời và điện gió
VPBank	348 CDM			232 + 87%		Tín dụng xanh; trái phiếu xanh

\* Những ngân hàng không có tên trong bảng không đưa thông tin vào báo cáo thường niên.

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo thường niên của các ngân hàng

đa dạng hóa sản phẩm. Bảng 5 cho thấy sự tăng trưởng về số lượng ATM thế hệ mới, số lượng giao dịch và giá trị giao dịch của dịch vụ ngân hàng xanh. Tiêu biểu là NHTM cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) dẫn đầu

về số lượng ATM thế hệ mới với 348 máy trên toàn quốc. Kế đến là NHTM cổ phần Tiên Phong (TPBank) với 322 ngân hàng tự động LiveBank và NHTM cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) với 116 ATM thế hệ mới.

### 3.2. Thực hành thông lệ ngân hàng xanh tại các NHTM

Các NHTM đã triển khai một số hoạt động số hóa và ứng dụng công nghệ trong các hoạt động ngân hàng xanh nhằm giảm thiểu sử dụng giấy trong năm 2022: NHTM

cổ phần Á Châu (ACB) tiết kiệm được khoảng 204 tấn giấy nhờ liên tục thực hiện số hóa quy trình theo các chương trình Gắn Lại O, như Green Transactions, Go Paperless Credit...; NHTM cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) sử dụng 31.740 kg giấy/năm giảm 26,12% nhờ vào việc phát triển hệ thống Mobile Banking - Internet Banking kết hợp với ứng dụng của Tập đoàn VNPT, phát triển hệ thống nhận diện (eKYC) cho khách hàng cá nhân, hệ thống phân tích khách hàng toàn diện Customer 360, ứng dụng One Click Banking; NHTM cổ phần Quân đội (MB) đã số hóa 90% sản phẩm tích hợp trên hệ sinh thái App MBBank cho khách hàng cá nhân, BIZ MBBank cho khách hàng doanh nghiệp, MB hạn chế tối đa việc sử dụng giấy tờ trong các khâu phục vụ, tận dụng tối đa công nghệ để giảm thiểu chi phí, thời gian công sức cho cả khách hàng và nhân lực; NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) nhờ sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngân hàng hiện đại, với việc chuyên đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking), đã có nhiều lợi thế trong ứng dụng nền tảng công nghệ cao vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, đã phát triển các sản phẩm VCB Digibank, VCB - iB@nking, VCB CashUp, VCB DigiBiz thu hút lượng lớn khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng.

Tuy nhiên, các ngân hàng chưa có chính sách và quy trình cụ thể để hướng dẫn nhân viên thực hiện đồng bộ nhằm hạn chế in ấn các tờ trình và báo cáo nội bộ.

### 3.3. Trách nhiệm xã hội

Ngoài các cam kết về ESG và thúc đẩy dịch vụ xanh thông qua chính sách phí ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường chú trọng đến những dự án thân

thiện với môi trường, các NHTM chưa thực hiện các hoạt động tư vấn, chia sẻ kinh nghiệm như ngân hàng các nước được đề cập ở trên. Các hoạt động mà NHTM Việt Nam đang hướng tới mới dừng lại ở tích cực tham gia hợp tác quốc tế nhằm tìm kiếm nguồn tài trợ, nâng cao năng lực quản lý và nâng cao hiểu biết về ngân hàng xanh như: (1) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đã tham gia nhiều dự án có liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường do WB và các tổ chức tài chính quốc tế tài trợ như dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học; dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững; quản lý rủi ro thiên tai; hỗ trợ nông nghiệp carbon thấp; cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng; điện gió; đưa vốn tín dụng vào công cuộc chống hạn, mặn Đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung Tây Nguyên...; (2) Vietcombank kí kết với Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và các ngân hàng lớn của Nhật Bản cung cấp cho Vietcombank khoản vay bổ sung trị giá 300 triệu USD sau khi triển khai thành công gói tín dụng trị giá 200 triệu USD được kí kết vào tháng 6/2019; (3) NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) đã kí kết Thỏa ước tín dụng xanh SUNREF trị giá 100 triệu USD để tài trợ cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo vào năm 2021 cụ thể như: Dự án nhà máy thủy điện Ialy mở rộng; Dự án Nhà máy điện mặt trời Sê San...; (4) HDBank và Tổ chức Tài chính Phát triển Pháp Proparco đã kí ước thỏa thuận hợp tác tài trợ tín dụng dài hạn vào năm 2022 với

trị giá 100 triệu USD nhằm mục đích tài trợ các dự án năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, Proparco sẽ hỗ trợ HDBank trong việc phát hành trái phiếu xanh, tài trợ các dự án giảm tác động của biến đổi khí hậu; (5) VPBank đã được IFC giải ngân khoản vay 150 triệu USD với kì hạn 5 năm vào cuối năm 2022. Mục đích chính của khoản vay là giúp VPBank có thể hỗ trợ các lĩnh vực môi trường và chống biến đổi khí hậu tại Việt Nam; (6) NHTM cổ phần Nam Á (Nam A Bank) đã thiết lập thỏa thuận hợp tác với Quỹ Đối tác Khí hậu Toàn cầu (GCPF) nhằm triển khai sáng kiến “Tín dụng xanh” với trị giá 183 tỉ đồng.

### 4. Một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy hành trình xanh ở các NHTM Việt Nam

Đề trở thành ngân hàng xanh như kinh nghiệm ngân hàng các nước và đạt mục tiêu “Hành trình xanh” theo cam kết của Chính phủ, định hướng của NHNN, các NHTM còn phải nỗ lực rất nhiều:

**Thứ nhất**, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ xanh và hình thức triển khai sử dụng: (1) Gửi tiền mặt qua ATM. Tính năng này có thể cho phép chủ thẻ thực hiện nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản của họ mà không cần phải điền vào các phiếu nộp tiền được giao dịch tại quầy. Hiện nay cũng đã có một số ngân hàng triển khai như DongA Bank, VietinBank, TPBank giúp tiết kiệm thời gian và chi phí của cả khách hàng và ngân hàng; (2) Phát hành các loại thẻ ATM, thẻ tín dụng... được làm từ các vật liệu tái chế có đặc tính phân hủy sinh học hoặc các loại thẻ phi vật lý mới vừa được Vietcombank triển khai; (3) Triển khai các khoản tiền gửi tiết kiệm xanh, thông qua tiền lãi trên số dư tiền gửi của khách hàng để trích một phần lãi cho các quỹ phòng chống thiên tai, bảo vệ

thức phá vỡ những hiểu lầm về tiền tệ kỹ thuật số, tạo dựng niềm tin và thu hẹp khoảng cách giữa người dùng tiềm năng và việc chấp nhận CBDC.

Điều thiết yếu là phải thiết lập sự cân bằng giữa đổi mới công nghệ và bình đẳng xã hội trong việc theo đuổi tính bao trùm tài chính thông

qua CBDC. Chính phủ và Ngân hàng trung ương có thể quản lý hiệu quả tính phức tạp của việc triển khai CBDC bằng cách kết hợp khuyến nghị chính sách với bài học kinh nghiệm từ các nghiên cứu điển hình quốc tế.

Khi bước vào con đường này, cần nghĩ đến một tương lai mà CBDC

đóng vai trò tác nhân thay đổi tích cực, thúc đẩy một khu vực tài chính toàn cầu bao trùm hơn. Chúng ta có thể giải phóng tiềm năng thực sự của CBDC để xây dựng một thế giới mà tính bao trùm tài chính không bị giới hạn bằng hành động tập thể, tận tâm và cam kết trao quyền cho các cá nhân ♦

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Adrian, T., & Mancini-Griffoli, T. (2021). *The rise of digital money*. *Annual Review of Financial Economics*, 13, 57-77.
- Allen, F., Demirguc-Kunt, A., Klapper, L., & Peria, M. S. M. (2016). *The foundations of financial inclusion: Understanding ownership and use of formal accounts*. *Journal of Financial Intermediation*, 27, 1-30.
- Aportela, F. (1999). *Effects of Financial Access on Savings by Low-Income People*. Banco de México.
- Arner, D. W., Barberis, J., & Buckley, R. P. (2015). *The evolution of FinTech: A new post-crisis paradigm?* *Georgetown Journal of International Law*, 47, 1271.
- Auer, R., Cornelli, G., & Frost, J. (2020). *Rise of the central bank digital currencies: drivers, approaches and technologies* (No. 15363). CEPR Discussion Papers.
- Banerjee, A. V., & Newman, A. F. (1993). *Occupational choice and the process of development*. *Journal of political economy*, 101(2), 274-298.
- Bindseil, U. (2020). *Tiered CBDC and the financial system*. Working Paper Series Available at SSRN 3513422.
- BIS. (2020). *Central bank digital currencies: foundational principles and core features*. BIS publications. <https://www.bis.org/publ/othp38.pdf>
- BIS. (2021). *Central bank digital currencies for cross-border payments*. BIS publications. <https://www.bis.org/publ/othp33.htm>
- Bordo, M. D., & Levin, A. T. (2017). *Central bank digital currency and the future of monetary policy* (No. w23711). National Bureau of Economic Research.
- Brainard, L. (2020). *An update on digital currencies*. Speech at the Federal Reserve Board and Federal Reserve Bank of San Francisco's Innovation Office Hours, San Francisco, California.
- Brunnermeier, M. K., James, H., & Landau, J. P. (2019). *The digitalization of money* (No. w26300). National Bureau of Economic Research.
- Cámara, N., & Tuesta, D. (2014). *Measuring financial inclusion: A multidimensional index*. BBVA Research Paper, (14/26).
- Carstens, A. (2018). *Money in the digital age: what role for central banks?* Lecture at the House of Finance, Goethe University, Frankfurt, Germany.
- Chakravarty, S. R., & Pal, R. (2013). *Financial inclusion in India: An axiomatic approach*. *Journal of Policy modeling*, 35(5), 813-837.
- Chapman, J., Garratt, R., Hendry, S., McCormack, A., & McMahon, W. (2017). *Project Jasper: Are distributed wholesale payment systems feasible yet*. *Financial System*, 59, 59.
- Davoodalhosseini, S. M. (2022). *Central bank digital currency and monetary policy*. *Journal of Economic Dynamics and Control*, 142, 104150.
- Demirguc-Kunt, A., & Klapper, L. F. (2012). *Measuring financial inclusion: The global finindex database*. World bank policy research working paper, (6025).
- Demirguc-Kunt, A., Klapper, L. F., & Singer, D. (2013). *Financial inclusion and legal discrimination against women: evidence from developing countries*. *World Bank Policy Research Working Paper*, (6416).
- Demirguc-Kunt, A., Klapper, L., Singer, D., & Ansar, S. (2018). *The Global Finindex Database 2017: Measuring financial inclusion and the fintech revolution*. World Bank Publications.
- Engert, W., & Fung, B. S. C. (2017). *Central bank digital currency: Motivations and implications* (No. 2017-16). Bank of Canada Staff Discussion Paper.
- Fernández-Villaverde, J., Sanches, D., Schilling, L., & Uhlig, H. (2021). *Central bank digital currency: Central banking for all? Review of Economic Dynamics*, 41, 225-242.
- Fung, B., & Halaburda, H. (2016). *Central bank digital currencies: A framework for assessing why and how*. Bank of Canada Staff Discussion Paper, 2016(22).
- Kahn, C. M., Rivadeneira, F., & Wong, T. N. (2019). *Should the central bank issue e-money?* FRB St. Louis Working Paper, (2019-3).
- Kiff, J., Alwazir, J., Davidovic, S., Farias, A., Khan, A., Khiaonarong, T., ... & Zhou, P. (2020). *A survey of research on retail central bank digital currency*. IMF Working Papers, 1-33.
- Kim, D. W., Yu, J. S., & Hassan, M. K. (2018). *Financial inclusion and economic growth in OIC countries*. *Research in International Business and Finance*, 43, 1-14.
- Kumhof, M., & Noone, C. (2018). *Central bank digital currencies-design principles and balance sheet implications* (No. 2018-25). Bank of England working papers.
- Lagarde, C. (2018). *Winds of change: The case for new digital currency*. Speech at the Singapore Fintech Festival, Singapore.
- Meaning, J., Dyson, B., Barker, J., & Clayton, E. (2018). *Broadening narrow money: monetary policy with a central bank digital currency*. *International Journal of Central Banking*, 17(2), 1-42.
- Sahay, R., Čihák, M., N'Diaye, P., & Barajas, A. (2015). *Rethinking financial deepening: Stability and growth in emerging markets*. *Revista de Economía Institucional*, 17(33), 73-107.
- Sarma, M. (2008). *Index of financial inclusion* (No. 215). Indian Council for Research on International Economic Relations (ICRIER). <http://hdl.handle.net/10419/176233>.
- Sarma, M., & Pais, J. (2011). *Financial inclusion and development*. *Journal of international development*, 23(5), 613-628.
- World Bank. (2008). *Finance for all? Policies and pitfalls in expanding access*. The World Bank.
- World Bank. (2018). *The Global Finindex Database 2017*. <https://globalfinindex.worldbank.org/>
- World Economic Forum. (2020). *Central Bank Digital Currency Policy-Maker Toolkit*. Prepared in collaboration with central banks. <https://www.weforum.org/whitepapers/central-bank-digital-currency-policy-maker-toolkit/>